

CHỦ ĐỀ A: MÁY TÍNH VÀ XÃ HỘI TRI THỨC

PHẦN I: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM DẠNG D1

Câu 1. Phát biểu nào sau đây nêu **đúng** nhất về Trí tuệ nhân tạo (AI)?

- A. Khả năng của máy tính thực hiện các công việc đòi hỏi trí tuệ giống như con người.
- B. Một loại máy tính thông minh có thể thực hiện các nhiệm vụ giống như con người.
- C. Một loại thuật toán cho phép máy tính tư duy giống hệt con người.
- D. Một loại phần mềm giúp máy tính có thể thực hiện các hành vi thông minh.

Câu 2. Trí tuệ nhân tạo (AI) là gì?

- A. Một phần mềm giúp xử lý dữ liệu nhanh chóng.
- B. Khả năng của máy tính có thể học hỏi và thực hiện công việc giống như con người.
- C. Một loại robot điều khiển từ xa.
- D. Máy móc tự động thực hiện công việc theo lập trình sẵn.

Câu 3. Phương án nào sau đây liệt kê các đặc trưng cơ bản của AI?

- A. Khả năng học, hiểu ngôn ngữ, suy luận, nhận thức, giải quyết vấn đề.
- B. Khả năng học, dịch ngôn ngữ, suy luận, nhận thức, giải quyết vấn đề.
- C. Khả năng học, hiểu ngôn ngữ, suy luận, lưu trữ liệu, giải quyết vấn đề.
- D. Khả năng học, hiểu ngôn ngữ, suy luận, nhận thức, phản ứng nhanh.

Câu 4. Phương án nào sau đây là **một ví dụ** về khả năng suy luận của hệ thống gợi ý dựa trên AI?

- A. Đưa ra danh sách video trên YouTube dựa trên sở thích cá nhân.
- B. Đưa ra danh sách các sản phẩm sắp xếp theo giá từ thấp đến cao.
- C. Đưa ra danh sách các sản phẩm phù hợp với một từ khóa tìm kiếm.
- D. Đưa ra danh sách các sản phẩm bán chạy nhất trong tuần qua.

Câu 5. Phương án nào dưới đây nêu **đúng** về khả năng suy luận của trí tuệ nhân tạo?

- A. Tìm ra cách giải quyết các tình huống phức tạp dựa trên thông tin và tri thức.
- B. Vận dụng logic và tri thức để đưa ra quyết định hoặc kết luận.
- C. Trích xuất thông tin từ dữ liệu để học và tích lũy tri thức.
- D. Cảm nhận và hiểu biết môi trường thông qua các cảm biến và thiết bị đầu vào.

Câu 6. Khả năng tự học của ChatGPT được thể hiện rõ nhất trong tình huống nào sau đây?

- A. Có thể trả lời các câu hỏi bằng ngôn ngữ tự nhiên
- B. Có thể nhanh chóng đưa ra câu trả lời ở bất cứ thời gian nào
- C. Có thể được sử dụng ở bất cứ nơi nào và bởi nhiều người dùng khác nhau
- D. Có thể điều chỉnh câu trả lời phù hợp với mong muốn của người dùng

Câu 7. Điều **không** phải là ví dụ về khả năng nhận thức được môi trường xung quanh của hệ thống AI?

- A. Trợ lý ảo có thể trả lời câu hỏi bằng dạng văn bản hoặc âm thanh.
- B. Phần mềm chụp ảnh có thể thay đổi chế độ tùy thuộc vào mức độ ánh sáng thực tế.
- C. Robot hút bụi có khả năng tránh vật cản trên đường đi.
- D. Xe tự lái có khả năng đi đúng làn đường.

Câu 8. Trí tuệ nhân tạo (AI) hiện nay **không** thể thực hiện được khả năng nào sau đây?

- A. Tự động hóa một số quy trình sản xuất.

- B. Cảm nhận và thấu hiểu cảm xúc như con người.
- C. Phân tích dữ liệu để dự đoán xu hướng.
- D. Học từ dữ liệu để cải thiện kết quả.

Câu 9. Ứng dụng nào sau đây thể hiện rõ nhất khả năng "hiểu ngôn ngữ tự nhiên" của Trí tuệ nhân tạo (AI)?

- A. Hệ thống camera nhận diện khuôn mặt chấm công tại công ty.
- B. Phần mềm dịch thuật tự động (ví dụ: Google Translate) giữa các quốc gia.
- C. Robot tự động hóa lắp ráp linh kiện trong nhà máy sản xuất ô tô.
- D. Hệ thống tự động điều chỉnh nhiệt độ điều hòa theo thời tiết.

Câu 10. Trong các ví dụ dưới đây, hệ thống nào phản ánh năng lực "giải quyết vấn đề" của Trí tuệ nhân tạo?

- A. Cửa kính tự động mở ra khi có người bước đến gần vùng cảm biến.
- B. Cảm biến báo cháy phát chuông cảnh báo khi nhiệt độ phòng tăng cao.
- C. Chương trình máy tính AlphaGo tính toán chiến thuật để đánh bại nhà vô địch cờ vây thế giới.
- D. Máy đếm tiền tự động phân loại và tính tổng số tiền mặt được đưa vào.

Câu 11. Khi người dùng nói với điện thoại: "Hãy đặt báo thức lúc 6 giờ sáng mai", trợ lý ảo lập tức thiết lập chuông báo đúng thời gian yêu cầu. Để thực hiện được tác vụ này, hệ thống AI đã kết hợp chủ yếu những quá trình xử lý nào sau đây?

- A. Phân tích hình ảnh môi trường và cảm nhận không gian xung quanh.
- B. Nhận dạng tiếng nói (chuyển âm thanh thành văn bản) và trích xuất ý định từ ngôn ngữ tự nhiên.
- C. Tổng hợp tiếng nói và khả năng sáng tạo nội dung văn bản mới.
- D. Biểu lộ cảm xúc nhân tạo và thao tác điều khiển thiết bị cơ học.

Câu 12. Trong lĩnh vực y tế, một hệ thống AI được cung cấp hàng triệu hồ sơ bệnh án và ảnh chụp X-quang trong quá khứ để hỗ trợ bác sĩ chẩn đoán các ca bệnh mới. Đặc trưng cốt lõi nào của AI đóng vai trò quyết định giúp hệ thống này có thể đưa ra những chẩn đoán chính xác?

- A. Khả năng nhận thức cảm xúc của bệnh nhân để đưa ra lời khuyên tâm lý.
- B. Khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ tự nhiên để hỏi thăm triệu chứng.
- C. Khả năng tự động phẫu thuật thay thế bàn tay của bác sĩ.
- D. Khả năng học từ dữ liệu để rút ra quy luật, từ đó áp dụng để phân loại và giải quyết bài toán chẩn đoán mới.

Câu 13. Phương án nào sau đây là một ví dụ về hệ thống AI rộng?

- A. Robot giúp việc trong nhà như nấu ăn, dọn nhà cửa, chăm sóc trẻ em.
- B. Chatbot giao tiếp với khách hàng về trả lời thông tin về một sản phẩm.
- C. Hệ thống lọc thư rác, thư quảng cáo của Google.
- D. Phần mềm nhận dạng khuôn mặt trong một bức ảnh.

Câu 14. Khi nói về AI rộng hay AI mạnh, phát biểu nào sau đây **không đúng**?

- A. Là một hệ thống có khả năng tự học, tự cải thiện qua thời gian mà không cần sự can thiệp của con người.
- B. Là hệ thống có khả năng thích ứng với tình huống mới và giải quyết được nhiều nhiệm vụ phức tạp.
- C. Là hệ thống có tri thức, ý thức khi hành động giống như con người thực.

D. Là hệ thống có khả năng xử lý nhiều nhiệm vụ với tốc độ nhanh hơn của con người.

Câu 15. Nhiệm vụ nào sau đây thể hiện đặc trưng tạo nội dung mới của Trí tuệ nhân tạo tạo sinh?

- A. Chẩn đoán bệnh dựa trên việc phân loại hình ảnh chụp X-quang.
- B. Tạo ra đoạn mã chương trình từ mô tả yêu cầu bằng ngôn ngữ tự nhiên.
- C. Nhận diện và đếm số lượng phương tiện giao thông trong một bức ảnh.
- D. Dự báo lượng mưa dựa trên dữ liệu khí tượng của mười năm trước đó.

Câu 16. Phương án nào sau đây mô tả đặc trưng của Trí tuệ nhân tạo tạo sinh?

- A. Xác thực danh tính người dùng thông qua sinh trắc học.
- B. Phân tích dữ liệu để đưa ra dự đoán hoặc phân loại đối tượng.
- C. Tạo ra các nội dung mới như văn bản, hình ảnh, mã nguồn.
- D. Tìm kiếm và trả về thông tin có sẵn từ cơ sở dữ liệu lớn.

Câu 17. Ứng dụng nào sau đây **không** là ví dụ của AI hẹp?

- A. Chương trình chơi cờ AlphaGo.
- B. Máy chấm công bằng nhận diện khuôn mặt.
- C. Hệ chuyên gia MYCIN tư vấn trong lĩnh vực y tế.
- D. Adobe Firefly tạo các tác phẩm nghệ thuật từ mô tả văn bản.

Câu 18. Hệ thống AI nào sau đây có khả năng hiểu ngôn ngữ tự nhiên?

- A. Phần mềm chơi cờ AlphaGo.
- B. Trợ lý ảo Siri.
- C. Robot hút bụi.
- D. Xe tự lái.

Câu 19. Một học sinh sử dụng ứng dụng học ngoại ngữ có thể nhận xét phát âm và đưa ra sửa lỗi ngay sau khi nói. Chức năng này của AI thuộc loại nào?

- A. Nhận dạng giọng nói và xử lý ngôn ngữ
- B. Phân tích nội dung văn bản để phát hiện lỗi chính tả
- C. Chuyển giọng nói thành văn bản để lưu trữ
- D. Dịch tự động câu nói sang ngôn ngữ khác

Câu 20. Một học sinh sử dụng ứng dụng học ngoại ngữ có thể nhận xét phát âm và đưa ra sửa lỗi ngay sau khi nói. Chức năng này của AI thuộc loại nào?

- A. Nhận dạng giọng nói và xử lý ngôn ngữ
- B. Phân tích nội dung văn bản để phát hiện lỗi chính tả
- C. Chuyển giọng nói thành văn bản để lưu trữ
- D. Dịch tự động câu nói sang ngôn ngữ khác

Câu 21. Khả năng hiểu ngôn ngữ của Trí tuệ nhân tạo không thể hiện trong hệ thống nào sau đây?

- A. Trợ lý ảo trên xe ô tô.
- B. Tổng đài tự động hỏi đáp.
- C. Trợ giúp soạn thảo văn bản.
- D. Nhận diện khuôn mặt.

Câu 22. Chức năng chính của công nghệ nhận dạng chữ viết tay trong các giao dịch thương mại điện tử là gì?

- A. Trò chuyện và tương tác với khách hàng bằng chữ viết tay.
- B. Tự động hóa quy trình nhập dữ liệu và xác minh chữ ký.
- C. Tạo ra các phong chữ mới dựa trên chữ viết tay của người dùng
- D. Dịch các tài liệu viết tay sang nhiều ngôn ngữ khác nhau.

Câu 23. Trong lớp học, giáo viên dùng phần mềm AI để phát hiện xem học sinh có đang sao chép bài hay không. Phần mềm này dựa vào hình ảnh từ camera để phân tích hành vi. AI trong trường hợp này thuộc nhóm nào dưới đây?

- A. Thị giác máy tính (Computer Vision).
- B. Học máy không giám sát.
- C. Người máy (Robotics).
- D. Xử lý ngôn ngữ tự nhiên.

Câu 24. Hệ thống camera thông minh của một bãi gửi xe được trang bị khả năng nhận dạng biển số xe. Chức năng xử lý dữ liệu hình ảnh của camera này thuộc lĩnh vực nào sau đây của Trí tuệ nhân tạo?

- A. Xử lý tiếng nói.
- B. Điều khiển rô-bốt.
- C. Thị giác máy tính.
- D. Xử lý ngôn ngữ tự nhiên.

Câu 25. Lĩnh vực nào sau đây có nhiệm vụ giúp máy tính hiểu và xử lý được ngôn ngữ tự nhiên của con người?

- A. Xử lý ngôn ngữ tự nhiên.
- B. Học máy.
- C. Điều khiển rô-bốt.
- D. Thị giác máy tính.

Câu 26. Các ứng dụng nào sau đây được phát triển nhờ thành tựu của Trí tuệ nhân tạo (AI)?

- A. Quản lý hành chính Nhà nước thông qua hệ thống các phần mềm.
- B. Trao đổi thông tin bằng sử dụng thư điện tử.
- C. Xác thực mở khóa điện thoại bằng nhận diện khuôn mặt.
- D. Quét mã vạch để tra cứu sản phẩm tồn kho.

Câu 27. AI được thể hiện rõ nhất trong ứng dụng thực tế nào sau đây?

- A. Điểm danh bằng vân tay.
- B. Máy tính tiền tại quầy thanh toán của siêu thị.
- C. Tìm kiếm bằng giọng nói trên YouTube.
- D. Phần mềm tính lương cho nhân viên của một công ty.

Câu 28. Ứng dụng nào sau đây là một Chatbot có sử dụng Trí tuệ nhân tạo?

- A. Copilot.
- B. Notepad.
- C. Geogebra.
- D. WinRAR.

Câu 29. Ứng dụng nào sau đây là một Chatbot có sử dụng Trí tuệ nhân tạo?

- A. Unikey.
- B. Calculator.
- C. Gemini.
- D. Notepad.

Câu 30. Siri, Google Assistant và Alexa là những ví dụ điển hình cho loại ứng dụng trí tuệ nhân tạo nào sau đây?

- A. Hệ chuyên gia.
- B. Trợ lý ảo.
- C. Robot công nghiệp.
- D. Phần mềm dịch máy.

Câu 31. Chatbot AI hoạt động như thế nào?

- A. Sử dụng học máy để phân tích và phản hồi dựa trên thông tin người dùng cung cấp.
- B. Dựa vào các câu trả lời lập trình sẵn cho từng câu hỏi.
- C. Dựa vào tìm kiếm thông tin trực tuyến và sao chép câu trả lời.
- D. Chỉ có thể trả lời các câu hỏi đơn giản.

Câu 32. Trong lĩnh vực y tế, Trí tuệ nhân tạo (AI) được ứng dụng trong công việc nào sau đây?

- A. Quản lý hồ sơ bệnh nhân và lịch sử khám bệnh bằng phần mềm.
- B. Bệnh nhân đặt lịch khám thông qua ứng dụng của bệnh viện.
- C. Thu viện phí thông qua các ứng dụng như ví điện tử, thẻ tín dụng, quét mã vạch thanh toán.

D. Sử dụng robot thông minh hỗ trợ phẫu thuật nội soi.

Câu 33. Ứng dụng của Trí tuệ nhân tạo (AI) không hỗ trợ được công việc nào sau đây trong khám và điều trị của các nhân viên ngành y tế?

A. Chuẩn đoán bệnh dựa trên hình ảnh phim X-quang.

B. Phẫu thuật nội soi.

C. Tư vấn người bệnh dựa trên hệ chuyên gia.

D. Thực hiện các xét nghiệm huyết học.

Câu 34. Trong lĩnh vực y tế, Trí tuệ nhân tạo được ứng dụng phổ biến trong hệ thống nào sau đây?

A. Tự động hóa hoàn toàn việc kê đơn thuốc cho bệnh nhân.

B. In phiếu thứ tự khám bệnh cho bệnh nhân tại các phòng khám.

C. Tự động hóa hoàn toàn việc thẩm định các loại thuốc mới.

D. Hỗ trợ bác sĩ chẩn đoán bệnh dựa trên hình ảnh X-quang.

Câu 35. Phần mềm IBM Watson for Oncology là một ví dụ tiêu biểu cho việc ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực nào sau đây?

A. Y học và chăm sóc sức khỏe.

B. Nông nghiệp thông minh.

C. Giao thông vận tải.

D. Tài chính, ngân hàng.

Câu 36. Hoạt động nào sau đây trong giáo dục có ứng dụng của Trí tuệ nhân tạo (AI)?

A. Đưa ra định hướng và gợi ý các hoạt động học tập phù hợp với từng người học dựa trên năng lực và lịch sử học tập.

B. Giao bài tập và thu bài bằng các tệp văn bản trong một hệ thống quản lý học tập của nhà trường.

C. Tìm kiếm tài liệu học tập dạng tệp văn bản, tệp hình ảnh trên Internet.

D. Tiếp nhận đăng ký thi tuyển, quản lý hồ sơ thí sinh và thông báo kết quả thi tuyển trên website của nhà trường.

Câu 37. Trong các ứng dụng sau, ứng dụng nào thể hiện rõ nhất khả năng “ cá nhân hóa ” trải nghiệm người dùng của AI trong lĩnh vực giáo dục?

A. AI chấm điểm bài thi trắc nghiệm tự động.

B. Nền tảng học trực tuyến cung cấp cùng một lộ trình học cố định cho tất cả người học.

C. AI gợi ý các tài liệu học tập phổ biến được nhiều học sinh lựa chọn.

D. AI phân tích kết quả học tập của học sinh để tự động điều chỉnh độ khó của bài tập cho phù hợp với từng người.

Câu 38. Trong các ứng dụng sau, ứng dụng nào thể hiện rõ nhất khả năng “ cá nhân hóa ” trải nghiệm người dùng của AI trong lĩnh vực giáo dục?

A. AI chấm điểm bài thi trắc nghiệm tự động.

B. Nền tảng học trực tuyến cung cấp cùng một lộ trình học cố định cho tất cả người học.

C. AI gợi ý các tài liệu học tập phổ biến được nhiều học sinh lựa chọn.

D. AI phân tích kết quả học tập của học sinh để tự động điều chỉnh độ khó của bài tập cho phù hợp với từng người.

Câu 39. Trong sản xuất, bước nào sau đây không có ứng dụng của Trí tuệ nhân tạo (AI)?

A. Dùng robot trong lắp ráp tự động các bộ phận của sản phẩm.

B. Sử dụng phần mềm quản lý để tính lương dựa trên số ngày công.

C. Sử dụng phần mềm có hỗ trợ sinh ra bản thiết kế từ mô tả ý tưởng.

D. Dùng robot trong đóng gói và xếp dỡ hàng hóa.

Câu 40. Ngành nào sau đây có ít khả năng ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) nhất?

- A. Sản xuất công nghiệp
- B. Sản xuất nông nghiệp
- C. Thương mại điện tử
- D. Quản lý hành chính

Câu 41. Tình huống nào sau đây có sử dụng AI trong điều khiển tự động?

- A. Robot hút bụi có khả năng di chuyển làm sạch và quay về vị trí sạc điện
- B. Mở cửa bằng sử dụng vân tay
- C. Máy rửa bát tự mở cửa sau khi thực hiện xong
- D. Máy giặt tự xác định khối lượng quần áo trong máy để đưa ra thời gian giặt phù hợp

Câu 42. Nghề nào sau đây không thể bị thay thế bởi sự phát triển của AI trong tương lai?

- A. Lắp ráp tự động trong dây chuyền sản xuất xe ô tô.
- B. Tư vấn hỗ trợ khách hàng trên website bán hàng.
- C. Lái xe taxi.
- D. Bác sĩ phẫu thuật.

Câu 43. Nhận định nào sau đây đúng khi nói về tác động của Trí tuệ nhân tạo (AI) đối với thị trường lao động?

- A. Các công việc đòi hỏi sự thấu hiểu cảm xúc bị AI thay thế.
- B. AI quyết định độ tuổi lao động của con người.
- C. Lao động phổ thông bị AI thay thế hoàn toàn.
- D. AI thúc đẩy tự động hóa các công việc có tính lặp lại.

Câu 44. Phương án nào sau đây là một nguy cơ cần cảnh báo do sự phát triển của AI?

- A. Khách hàng được gợi ý nhiều sản phẩm phù hợp sở thích.
- B. An ninh thông tin, an ninh quân sự bị tấn công, đe dọa.
- C. Một số công việc trong môi trường độc hại do robot thực hiện.
- D. Hỗ trợ giáo viên trong việc biên soạn học liệu.

Câu 45. Khả năng nào sau đây của AI là một nguy cơ đối với quyền riêng tư?

- A. Phân tích lịch sử hành vi để đưa ra gợi ý, tư vấn sản phẩm và dịch vụ.
- B. Nhận dạng khuôn mặt tự động để điểm danh hoặc mở khóa điện thoại.
- C. Thực hiện yêu cầu của người dùng qua nhận diện giọng nói.
- D. Thu thập và phân tích dữ liệu cá nhân để trích rút thông tin.

Câu 46. Nhận định nào sau đây phản ánh đúng một rủi ro về an toàn thông tin do ảnh hưởng của Trí tuệ nhân tạo?

- A. Trí tuệ nhân tạo có thể bị lợi dụng để tạo ra các nội dung giả mạo.
- B. Trí tuệ nhân tạo khiến cho tốc độ truyền dữ liệu qua Internet bị chậm lại.
- C. Dung lượng bộ nhớ trên các thiết bị lưu trữ của người dùng giảm đáng kể.
- D. Chi phí đầu tư hạ tầng mạng Internet tăng cao do yêu cầu xử lý dữ liệu lớn.

Câu 47. Nguy cơ đáng lo ngại nhất của sự phát triển AI trong tương lai là gì?

- A. Trí thông minh của AI vượt qua sự kiểm soát của con người
- B. Robot thông minh thay thế hoàn toàn con người trong một số công việc
- C. Tăng thêm các hình thức lừa đảo trên mạng Internet

D. Quyền riêng tư cá nhân dễ dàng bị xâm phạm hơn

Câu 48. Lý do đạo đức cốt lõi nhất để ngăn cấm việc giao toàn quyền quyết định cho AI điều khiển vũ khí sát thương là gì?

- A. Việc này vi phạm quyền sống và chuyển giao quyết định sinh tử của con người cho máy móc.
- B. Chi phí để phát triển các hệ thống vũ khí tự động là quá lớn.
- C. Hệ thống AI có thể bị các tổ chức xấu hack hoặc thao túng.
- D. AI có thể đưa ra các quyết định sai lầm do lỗi kỹ thuật.

Câu 49. Lý do đạo đức cốt lõi nhất để ngăn cấm việc giao toàn quyền quyết định cho AI điều khiển vũ khí sát thương là gì?

- A. Việc này vi phạm quyền sống và chuyển giao quyết định sinh tử của con người cho máy móc.
- B. Chi phí để phát triển các hệ thống vũ khí tự động là quá lớn.
- C. Hệ thống AI có thể bị các tổ chức xấu hack hoặc thao túng.
- D. AI có thể đưa ra các quyết định sai lầm do lỗi kỹ thuật.

Câu 50. Cách ứng xử nào sau đây phù hợp đối với kết quả được tạo ra bởi Trí tuệ nhân tạo?

- A. Tin tưởng hoàn toàn vào tính chính xác và khách quan.
- B. Xem xét một cách thận trọng và có trách nhiệm.
- C. Giữ nguyên để làm sản phẩm học tập và nghiên cứu.
- D. Chia sẻ ra cộng đồng mà không cần kiểm chứng.

PHẦN II: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM DẠNG D2

Câu 1. AI là các hệ thống do con người xây dựng nhằm giúp máy tính có thể thực hiện các hành vi thông minh như con người.

- a). Hội thảo Dartmouth (1965) được coi là điểm mốc ghi nhận sự ra đời của thuật ngữ AI, đánh dấu sự khởi đầu của lĩnh vực AI.
- b). Xây dựng các hệ thống Trí tuệ nhân tạo tổng quát là mục tiêu dài hạn của các nghiên cứu về AI.
- c). Hệ chuyên gia MYCIN sử dụng các kỹ thuật Học máy để xác định một số loại vi khuẩn gây nhiễm trùng máu và đề xuất sử dụng kháng sinh với liều lượng thích hợp.
- d). Công nghệ nhận dạng khuôn mặt được sử dụng để nhận dạng và xác minh chữ kí trong các giao dịch điện tử.

Câu 2. Sự phát triển của AI đã và đang diễn ra với tốc độ nhanh chóng, có tiềm năng cách mạng hoá nhiều lĩnh vực khoa học và đời sống.

- a). Các thành tựu hiện tại của AI nói chung đều thuộc phạm vi trí tuệ nhân tạo mạnh.
- b). Các nhà thiên văn học sử dụng mạng thần kinh nhân tạo để nghiên cứu sâu hơn, tìm hiểu bản chất cơ bản của vũ trụ.
- c). ChatGPT là một hệ thống có tri thức, có khả năng suy luận và khả năng học,...
- d). Phiên bản GPT-2 được huấn luyện trên hàng vạn văn bản thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau trên Internet, bao gồm sách, bài báo, trang web và nhiều nguồn khác.

Câu 3. Hệ chuyên gia MYCIN có các tri thức cơ bản bao gồm khoảng 600 luật suy diễn. Các luật này là các mệnh đề dạng “Nếu có triệu chứng: A1, A2.... thì kết luận B”. Người dùng nhập câu trả lời cho một loạt các câu hỏi dạng “YES” hoặc “NO”, các câu hỏi dạng trả lời ngắn gọn. Trên cơ sở đó, đưa ra một danh sách các vi khuẩn có khả năng là thủ phạm gây ra nhiễm trùng máu và đề xuất sử dụng kháng sinh với liều lượng thích hợp.

Dưới đây là một số ý nhận xét dựa vào thông tin trên:

- a). Không thể coi hệ chuyên gia là một AI hoàn chỉnh.

b). Giả sử hệ có các luật suy diễn gồm: “ $A1, A3, A4 \rightarrow B3$ ”; “ $A2, A4 \rightarrow B1$ ”; “ $A1, A3 \rightarrow B2$ ”; “ $A2, A1 \rightarrow B4$ ”; “ $A2, A5 A3 \rightarrow B5$ ”. Một bệnh nhân có triệu chứng là: A2, A3, A4 thì người đó có thể đã mắc bệnh B2.

c). Hệ suy diễn kết quả chỉ dựa vào câu trả lời được đưa vào.

d). Hệ chuyên gia được ứng dụng trong y học.

Câu 4. Khi nói về các lĩnh vực khoa học, công nghệ và đời sống đã và đang nhận được rất nhiều lợi ích từ sự phát triển của AI. Phát biểu nào sau đây là ĐÚNG?

a). Các chuyên gia y tế khẳng định phần mềm IBM Watson for Oncology đã góp phần nâng cao hiệu quả điều trị bệnh gan.

b). Hệ thống nhận dạng chữ viết tay là một thành tựu của xử lý ngôn ngữ tự nhiên trong AI.

c). Trong nông nghiệp, AI theo dõi những yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả nuôi trồng và tự điều tiết các yếu tố đó.

d). Trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, AI được sử dụng để mô phỏng và mô hình hoá nhiều hiện tượng xã hội và nhân học.

Câu 5. Sự phát triển của AI đã và đang diễn ra với tốc độ nhanh chóng, có tiềm năng cách mạng hoá nhiều lĩnh vực khoa học và đời sống nhưng cũng kéo theo những nguy cơ cần được cảnh báo.

a). ChatGPT là một ví dụ điển hình của AI tạo sinh.

b). AI tạo sinh tập trung vào việc nghiên cứu làm cho máy tính có khả năng học từ dữ liệu thu được trong quá trình hoạt động để tự hoàn thiện và nâng cao năng lực nhận thức.

c). AI có khả năng tự động hoá nhiều công việc, điều này làm tăng mối lo ngại về quyền riêng tư có khả năng bị lạm dụng.

d). Những quyết định không chính xác do AI đưa ra có thể gây nguy hại trực tiếp cho con người, ví dụ chẩn đoán sai về tình trạng bệnh tật hay ra quyết định tấn công các mục tiêu dân sự trong xung đột vũ trang,...

Lưu ý: Ngoài các câu hỏi trên, các em cần phải trả lời các câu hỏi và làm bài tập ở cuối mỗi bài.

--- HẾT ---